



MARKET LENS

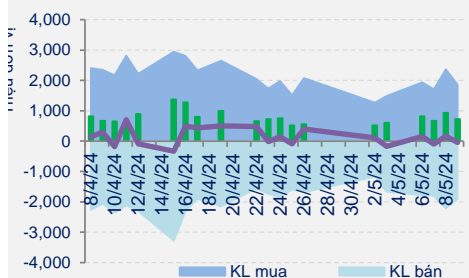
Phiên giao dịch ngày: 9/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

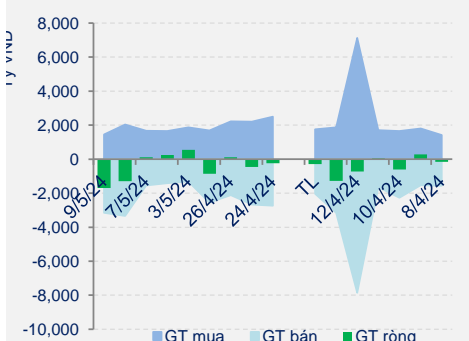
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,248.64 | 234.58 |
| % Thay đổi | ↓ -0.15% | ↑ 0.03% |
| KLGD (CP) | 724,535,111 | 86,697,811 |
| GTGD (tỷ đồng) | 19,972.40 | 1,701.68 |
| Tổng cung (CP) | 1,909,604,645 | 139,297,200 |
| Tổng cầu (CP) | 1,863,643,799 | 124,630,200 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 85,672,112 | 2,964,567 |
| KL mua (CP) | 43,816,739 | 2,423,270 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,456.48 | 99.01 |
| GT bán (tỷ đồng) | 3,158.55 | 76.25 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (1,702.07) | 22.76 |

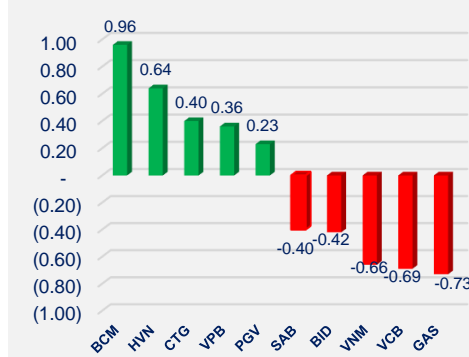
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh rung lắc mạnh khi VN30 gặp vùng giá cao nhất ngày 15/04/2024, cũng như VN-INDEX gặp vùng giá cao nhất năm 2023. Đầu phiên VN-INDEX tăng điểm nhẹ lên vùng 1.255 điểm và chịu áp lực rung lắc biến động trong biên độ hẹp quanh vùng giá 1.250 điểm. Sau 6 phiên liên tục tăng điểm, kết phiên VN-INDEX giảm 1,82 điểm (-0,15%) về mức 1.248,64 điểm. HNX-INDEX tích cực hơn tăng nhẹ 0,06 điểm (+0,03%) lên mức 234,58 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với áp lực điều chỉnh giá tăng mạnh hơn khi VN-INDEX có giai đoạn phục hồi tốt với 330 mã giảm giá (09 mã giảm sàn), 277 mã tăng (20 mã tăng trần) và 132 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 21.664 tỷ đồng, giảm 15,98% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Cho thấy áp lực điều chỉnh tương đối bình thường sau phiên khớp lệnh thanh khoản giá tăng mạnh trong phiên trước. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên HOSE với giá trị 1.699,14 tỷ đồng, chủ yếu do giao dịch bán thỏa thuận đột biến ở VHM; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 22,762 tỷ đồng, tập trung mua ròng khá tốt ở IDC.

Theo Reuters, ngày 08/05/2024, Bộ Thương mại Mỹ đã tổ chức phiên điều trần trực tuyến và nghe ý kiến về việc công nhận nền kinh tế thị trường cho Việt Nam hay không. Phát biểu tại phiên điều trần, ông Ted Osius - Chủ tịch Hội đồng Kinh doanh Mỹ - ASEAN nhấn mạnh, Việt Nam đã có nền kinh tế thị trường, đã đáp ứng các tiêu chí quan trọng như khả năng chuyển đổi tiền tệ và sẵn sàng để được công nhận quy chế chính thức. Quá trình xem xét công nhận nền kinh tế thị trường cho Việt Nam sẽ diễn ra từ nay đến cuối tháng 7/2024. Khi chưa được Mỹ công nhận nền kinh tế thị trường, hàng hóa Việt Nam vào thị trường Mỹ dễ bị áp mức thuế chống bán phá giá cao hơn.

Nhóm cổ phiếu xuất khẩu, thủy sản đã có diễn biến tích cực với thông tin trên khi hầu hết tăng giá mạnh từ đầu phiên, thanh khoản giá tăng đột biến, nổi bật như MPC (+3,66%), FMC (+3,47%), CMX (+2,35%), VHC (+2,08%)... hay VCS (+3,0%), ACG (+2,8%).... Các cổ phiếu dầu khí vẫn duy trì diễn biến tích cực, mức độ phân hóa hơn, nổi bật ở nhóm vận tải dầu khí với PVP (+3,59%), PVT (+3,02%), PPT (+2,61%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như CNG (-2,03%), PVS (-1,16%), BSR (-1,04%)...

Các cổ phiếu ngân hàng sau diễn biến phân hóa kém tích cực, nhiều mã có diễn biến tích cực trở lại, tăng giá tốt với thanh khoản khá đột biến như VAB (+8,60%), BVB (+6,03%), TPB (+2,25%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm ở mức trung bình như VBB (-5,51%), HDB (-1,66%), LPB (-1,48%)... Trong khi đó các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số chịu áp lực điều chỉnh tích lũy trở lại, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình như BVS (-2,62%), BSI (-1,80%), VND (-1,44%), VIX (-1,43%).... ngoài APS (+9,09%), BMS (+4,00%)...

Các nhóm ngành khác như bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng, thép, bán lẻ, khu công nghiệp.. đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản suy giảm khá mạnh so với phiên trước, thể hiện áp lực điều chỉnh tương đối bình thường. Trong khi các cổ phiếu công nghệ viễn thông tiếp tục có diễn biến vượt trội so với thị trường chung khi nhiều mã vẫn tăng giá tốt như CMG (+ 6,95%), FOX (+5,55%), VTP (+3,25%)...ngoài VGI (-3,43%), ELC (-1,25%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 giảm 10 điểm (-0,78%), chênh lệch âm giá tăng mạnh lên -12,47 điểm so với VN30, khối lượng giảm 10,03% so với phiên trước, cho thấy các vị thế phòng ngừa rủi ro và đầu cơ giá tăng mạnh, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 tích lũy với hỗ trợ gần nhất quanh 1.262 điểm, giá cao nhất năm 2023. Kháng cự mạnh quanh 1.280 điểm - 1.287 điểm, tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch âm từ -8,37 điểm đến -4,77 điểm so với VN30, Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch âm cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh ngắn hạn, vẫn đang ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở, khi VN30 đang gặp vùng giá trước phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục diễn biến rung lắc và đây đã là phiên thứ 3 liên tiếp VN-Index thử thách vùng kháng cự quanh 1.250 điểm. Trái ngược với ngày hôm qua, biến động trong phiên ATC lại khiến Vn-Index kết phiên giảm nhẹ 1,82 điểm (-0,15%) tương đương mức tăng của phiên trước, đóng cửa tại 1.248,64 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường là vẫn đang trong nhịp hồi phục ngắn hạn tuy nhiên VN-Index đang gặp khó trước ngưỡng cản mạnh quanh vùng 1.250 điểm. Nếu không bứt phá với động lực tốt và duy trì giao dịch trên vùng kháng cự nói trên, chỉ số sẽ có thể có nhịp điều chỉnh về các vùng giá thấp hơn.

Xu hướng trung hạn của chỉ số vẫn đang là dao động swing trong vùng tích lũy với kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh vừa qua và diễn biến tích lũy dự báo sẽ có thể kéo dài. Hiện Vn-Index đã tiệm cận với cản trên của kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Vn-Index tiếp tục thử thách vùng kháng cự mạnh quanh 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn hạn chế mua đuổi giá ở vùng giá hiện tại và kiên nhẫn chờ đợi do Vn-Index rất có thể sẽ có các nhịp rung lắc điều chỉnh. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở vùng cản trên của kênh tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

| Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu | T.trưởng Lợi nhuận | |
| IDC | 62.60 | 47-51 | 66-68 | 52 | 10.6 | 115.2% | 370.4% | Theo dõi giải ngân |
| DPR | 39.3 | 34.5-36.5 | 43-44 | 35 | 16.7 | 3.8% | -5.2% | Theo dõi giải ngân |
| CTD | 68.1 | 59-62 | 78-80 | 57 | 35.7 | -9.2% | 265.9% | Theo dõi giải ngân |
| FPT | 130.3 | 110-114 | 134-136 | 100 | 24.4 | 20.6% | 20.4% | Theo dõi giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 27/12/2023 | TNH | 20.25 | 18.09 | 23-24 | 21 | 11.9% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | LHG | 33.65 | 32 | 38-39 | 33 | 5.2% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | DPM | 33.90 | 32.2 | 37-38 | 32 | 5.3% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | PVP | 17.30 | 14.2 | 18-18.5 | 16 | 21.8% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | DPR | 39.30 | 36.8 | 43-44 | 38 | 6.8% | Nắm giữ |
| 24/4/2024 | KBC | 30.00 | 28.75 | 32-33 | 29 | 4.3% | Nắm giữ |
| 24/4/2024 | FPT | 130.30 | 114.2 | 134-136 | 124 | 14.1% | Nắm giữ |

TIN VĨ MÔ**Thu ngân sách vùng Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước**

Tại Hội nghị lần thứ 3 Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng đã báo cáo sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng, các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng. Vùng có 4/11 địa phương nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có cơ sở hạ tầng tốt nhất cả nước, trong đó Quảng Ninh dẫn đầu cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2023 của vùng đạt 6,28%, đứng thứ 3/6 vùng kinh tế. Quy mô nền kinh tế giá hiện hành đạt hơn 3.100 tỷ đồng, chiếm 30,1% GDP cả nước, đứng thứ 2/6 vùng kinh tế. Thu ngân sách Nhà nước năm 2023 ước đạt hơn 720.000 tỷ đồng, đứng đầu cả nước.

Giá vàng miếng SJC liên tục lập đỉnh lịch sử mới, giãn rộng cách biệt với thế giới.

Từ cuối tháng 4 đến nay, NHNN đã thông báo tổ chức tổng cộng 5 phiên đấu thầu vàng, trong đó có 2 phiên thành công, bán ra thị trường 6.800 lượng vàng miếng. Tuy vậy, từ khi bắt đầu triển khai đấu thầu 22/4 đến nay, giá vàng miếng SJC liên tục lập đỉnh mới, tăng từ 83,5 triệu đồng ngày 22-4 lên 88,8 triệu đồng/lượng (sáng 9-5). Chênh lệch giá giữa hai chiều mua vào và bán ra của vàng miếng là 2,3 triệu đồng. Giá vàng trong nước sáng nay tăng ngược chiều với sự ổn định của giá vàng thế giới, với giá vàng giao ngay đang ở mức 2.312,61 đô la Mỹ/ ounce và giá đô la Mỹ tại BIDV được niêm yết ở mức 25.176 - 25.476 đồng/ đô la Mỹ.

Nợ toàn cầu đạt kỷ lục 315 nghìn tỷ USD

Một nghiên cứu của Viện Tài chính Quốc tế (IIF) cho thấy, nợ toàn cầu đạt mức cao kỷ lục 315 nghìn tỷ USD trong quý đầu tiên của năm, được thúc đẩy bởi hoạt động vay mượn ở các thị trường như Mỹ và Nhật Bản. Tỷ lệ nợ trên sản lượng toàn cầu đã tăng lên mức 333% sau ba quý giảm liên tiếp. Hàn Quốc, Thái Lan và Brazil có mức giảm giá trị đồng USD lớn nhất trong tổng số nợ trong phân nhóm. IF cho biết thâm hụt ngân sách Chính phủ vẫn cao hơn mức trước đại dịch và dự kiến sẽ đóng góp khoảng 5,3 nghìn tỷ USD vào tích lũy nợ toàn cầu trong năm nay. Những nước đóng góp lớn nhất vào sự gia tăng tỷ lệ nợ ở các nền kinh tế mới nổi là Trung Quốc, Ấn Độ và Mexico.

Tổng thống Nga khẳng định vai trò của Liên minh kinh tế Á-Âu

Tổng thống Nga Vladimir Putin tuyên thệ nhậm chức Tổng thống LB Nga nhiệm kỳ thứ 5 tại Moskva. Ông cho biết khối lượng thương mại trong EAEU đã tăng gần gấp đôi từ 45 tỷ USD lên 89 tỷ USD, trong đó hơn 90% các giao dịch thanh toán được thực hiện bằng các loại tiền tệ quốc gia thành viên. Tổng sản phẩm quốc nội của các nước thành viên EAEU đã tăng từ 1.600 tỷ USD lên 2.500 tỷ USD và kim ngạch thương mại với các nước thứ ba tăng 60%, từ 579 tỷ USD lên 923 tỷ USD. Ông kêu gọi các nước nỗ lực hơn nữa để hội nhập sâu hơn và phát triển toàn diện trong EAEU. Tổng thống Putin cho rằng hợp tác trong EAEU có lợi cho tất cả các quốc gia thành viên, trong đó có cả Armenia và Nga. Trao đổi thương mại giữa Armenia với các nước EAEU đã tăng đáng kể kể từ năm 2015, ước tính tăng gấp 14 lần.

TIN DOANH NGHIỆP**Thế giới Di Động (MWG) giải thể 2 công ty con**

Công ty Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) đã giải thể hai công ty con là 4KFarm và CTCP Logistics Toàn Tín để tối ưu hóa việc vận hành. 4KFarm có vốn điều lệ 162 tỷ đồng và do MWG sở hữu 99% vốn. Trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020, dự án này đã được MWG lần đầu giới thiệu đến công chúng. Theo đó, 4KFarm là mô hình nuôi trồng nông nghiệp công nghệ theo 4 tiêu chí không thuốc trừ sâu, không thực phẩm biến đổi gen, không thuốc tăng trưởng và không chất bảo quản. Logistics Toàn Tín được thành lập ngày 10/11/2021 tại TP.HCM; và hoạt động chính trong lĩnh vực vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Logistics Toàn Tín đang cung cấp dịch vụ kho bãi, cung ứng hàng hóa cho chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh, Thế Giới Di Động, An Khang ... trên toàn quốc. Hiện MWG nắm giữ 99,99% trên vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Như vậy, sau hơn 2 năm thành lập Công ty cổ phần Logistics Toàn Tín, Thế Giới Di Động bất ngờ giải thể Công ty.

IPA rót 850 tỷ đồng vào công ty liên quan Trung Nam, dự phòng 474 tỷ đồng với CRE

Tập đoàn Đầu tư I. P. A thuộc hệ sinh thái của VNDirect đã chi ra 850 tỷ đồng để sở hữu 9.36% vốn của CTCP Năng lượng Tái tạo Trung Nam trong ba tháng đầu năm 2024. IPA cũng đầu tư 850 tỷ đồng vào công ty liên quan Trung Nam. Tổng tài sản của IPA nhích nhẹ so với đầu năm lên hơn 8,900 tỷ đồng, trong đó khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 66% tổng tài sản. Doanh thu thuần tăng 34% so với cùng kỳ lên 86 tỷ đồng, trong đó ba mảng đóng góp chính là cung cấp dịch vụ, bán điện thương phẩm và bán hàng hóa. Lãi gộp của công ty còn 27 tỷ đồng, giảm khoảng 3% so với cùng kỳ.

BaF Việt Nam (BAF) trả cổ tức 17% bằng cổ phiếu, thực hiện quyền mua cổ phiếu với giá 10.000 đồng/CP

Công ty Nông nghiệp BaF Việt Nam (BAF) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành gần 24,4 triệu cổ phiếu để chia cổ tức theo tỷ lệ 100:17. BaF Việt Nam cũng dự kiến phát hành thêm 68.425.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1: 0,476767. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và lượng cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) sẽ được ủy quyền cho HĐQT quyết định bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn 10.000 đồng/ CP. Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hình ảnh của BAF trước các đối tác, bạn hàng. Cổ phiếu BAF giảm 1,6% xuống mức 27.950 đồng/CP trong phiên giao dịch ngày 9/5.

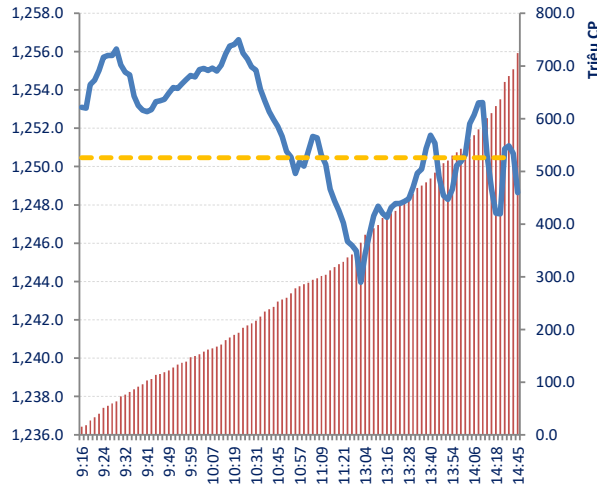
MBB: Phát hành lô trái phiếu thứ 10 trong năm 2024

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) đã phát hành thành công lô trái phiếu thứ 10 kể từ đầu năm với giá trị phát hành là 301 tỷ đồng. Trong khi đó, MB đã tích cực mua lại trái phiếu trước hạn và ghi nhận lợi nhuận trước thuế giảm 11% và lợi nhuận sau thuế giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số dư nợ xấu của MB trong 3 tháng đầu năm 2024 là 15.294 tỷ đồng, tăng 56% so với đầu năm, trong đó nợ có khả năng mất vốn tăng đột biến lên 6.048 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của MB ở mức 2,49%.

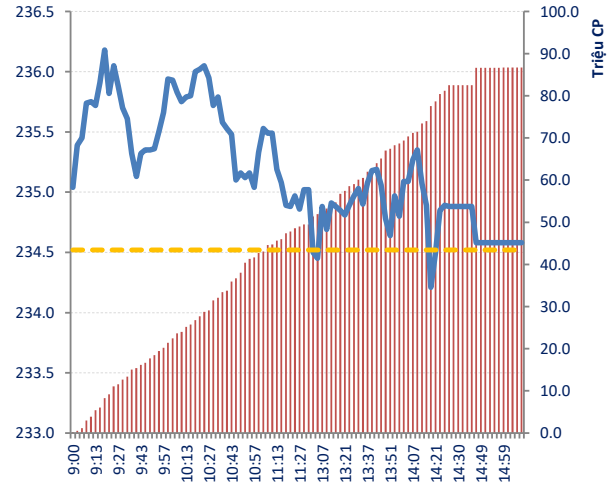


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

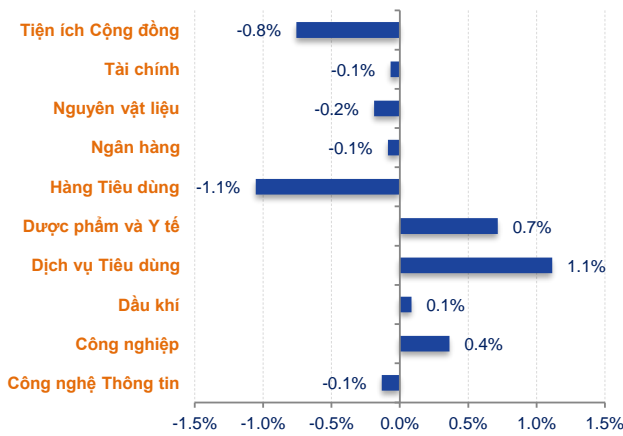
KLGD và VN-Index trong phiên



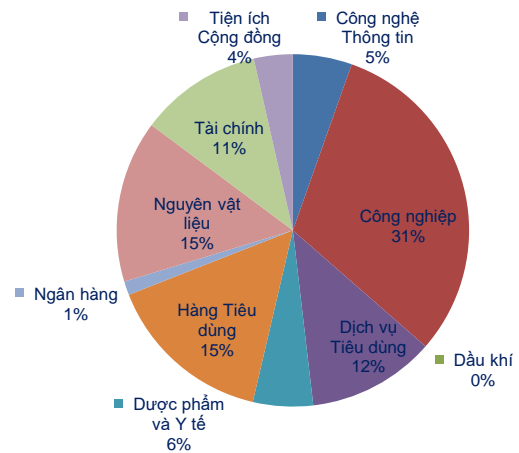
KLGD và HNX-Index trong phiên



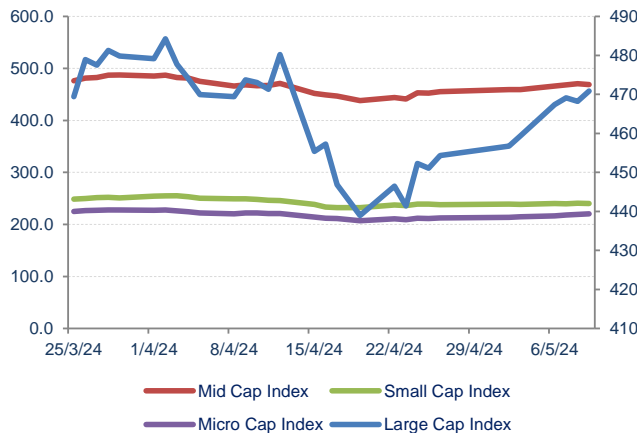
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



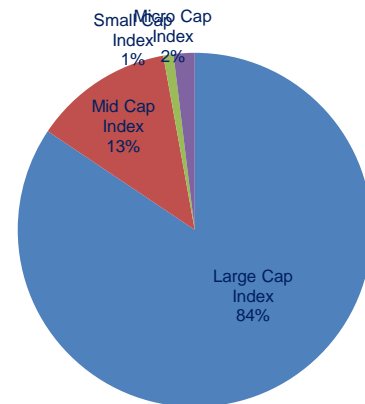
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HVN | 10,483,300 | VHM | 30,488,681 | 1 | IDC | 878,200 | SHS | 772,200 |
| 2 | HPG | 2,857,351 | HDB | 2,691,269 | 2 | MBS | 391,200 | TNG | 336,500 |
| 3 | MWG | 1,872,600 | VIX | 1,691,100 | 3 | HUT | 162,500 | BVS | 280,700 |
| 4 | TCH | 1,824,706 | VND | 1,430,700 | 4 | NAG | 62,600 | VGS | 149,900 |
| 5 | PVT | 1,520,100 | EVF | 1,402,300 | 5 | IDJ | 28,500 | TIG | 131,790 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| LPB | 20.30 | 20.00 | ↓ -1.48% | 38,652,600 | SHS | 19.00 | 18.80 | ↓ -1.05% | 15,600,868 |
| SHB | 11.90 | 11.75 | ↓ -1.26% | 37,596,394 | HUT | 17.10 | 17.40 | ↑ 1.75% | 7,440,388 |
| VHM | 40.90 | 40.95 | ↑ 0.12% | 34,256,281 | CEO | 18.50 | 18.30 | ↓ -1.08% | 5,998,780 |
| NVL | 13.60 | 13.75 | ↑ 1.10% | 27,264,909 | PVS | 43.00 | 42.50 | ↓ -1.16% | 4,066,365 |
| HPG | 30.70 | 30.45 | ↓ -0.81% | 19,442,715 | IDC | 61.50 | 62.60 | ↑ 1.79% | 3,828,545 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| TCR | 3.43 | 3.67 | 0.24 | ↑ 7.00% | PHN | 64.00 | 70.40 | 6.40 | ↑ 10.00% |
| CMG | 51.80 | 55.40 | 3.60 | ↑ 6.95% | VE3 | 8.10 | 8.90 | 0.80 | ↑ 9.88% |
| VNS | 12.95 | 13.85 | 0.90 | ↑ 6.95% | API | 4.10 | 4.50 | 0.40 | ↑ 9.76% |
| PSH | 4.97 | 5.31 | 0.34 | ↑ 6.84% | AAV | 6.20 | 6.80 | 0.60 | ↑ 9.68% |
| TDW | 47.00 | 50.20 | 3.20 | ↑ 6.81% | NSH | 5.20 | 5.70 | 0.50 | ↑ 9.62% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|-----|------------|----------|-------|----------|
| HAX | 16.55 | 14.10 | -2.45 | ↓ -14.80% | CAN | 52.90 | 47.70 | -5.20 | ↓ -9.83% |
| TNC | 64.90 | 60.40 | -4.50 | ↓ -6.93% | NHC | 30.60 | 27.60 | -3.00 | ↓ -9.80% |
| MDG | 12.00 | 11.25 | -0.75 | ↓ -6.25% | CX8 | 7.30 | 6.60 | -0.70 | ↓ -9.59% |
| TPC | 5.98 | 5.61 | -0.37 | ↓ -6.19% | VE1 | 3.30 | 3.00 | -0.30 | ↓ -9.09% |
| VAF | 14.65 | 13.80 | -0.85 | ↓ -5.80% | GLT | 19.90 | 18.10 | -1.80 | ↓ -9.05% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| LPB | 38,652,600 | 21.6% | 2,914 | 7.0 | 1.4 |
| SHB | 37,596,394 | 15.6% | 2,152 | 5.5 | 0.8 |
| VHM | 34,256,281 | 12.1% | 5,074 | 8.1 | 0.9 |
| NVL | 27,264,909 | 1.4% | 315 | 43.1 | 0.6 |
| HPG | 19,442,715 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 15,600,868 | 5.7% | 688 | 27.6 | 1.4 |
| HUT | 7,440,388 | 0.7% | 97 | 175.8 | 1.3 |
| CEO | 5,998,780 | 2.8% | 365 | 50.7 | 1.5 |
| PVS | 4,066,365 | 7.1% | 1,992 | 21.6 | 1.5 |
| IDC | 3,828,545 | 31.7% | 5,880 | 10.5 | 3.1 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|---------|------|-----|
| TCR | ↑ 7.0% | -6.9% | (658) | - | 0.4 |
| CMG | ↑ 6.9% | 10.0% | 1,717 | 30.2 | 2.9 |
| VNS | ↑ 6.9% | 9.8% | 1,766 | 7.3 | 0.7 |
| PSH | ↑ 6.8% | -9.6% | (1,295) | - | 0.4 |
| TDW | ↑ 6.8% | 22.1% | 6,067 | 7.7 | 1.6 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PHN | ↑ 10.0% | 39.6% | 8,294 | 7.7 | 2.8 |
| VE3 | ↑ 9.9% | 2.0% | 286 | 28.3 | 0.6 |
| API | ↑ 9.8% | -6.9% | (772) | - | 0.4 |
| AAV | ↑ 9.7% | -2.1% | (241) | - | 0.6 |
| NSH | ↑ 9.6% | 0.7% | 83 | 62.5 | 0.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HVN | 10,483,300 | 0.0% | (642) | - | - |
| HPG | 2,857,351 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| MWG | 1,872,600 | 4.4% | 717 | 82.4 | 3.3 |
| TCH | 1,824,706 | 7.0% | 1,252 | 14.7 | 1.0 |
| PVT | 1,520,100 | 11.5% | 2,863 | 9.8 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| IDC | 878,200 | 31.7% | 5,880 | 10.5 | 3.1 |
| MBS | 391,200 | 13.0% | 1,475 | 19.3 | 2.4 |
| HUT | 162,500 | 0.7% | 97 | 175.8 | 1.3 |
| NAG | 62,600 | 6.1% | 773 | 15.5 | 0.9 |
| IDJ | 28,500 | 5.0% | 584 | 8.2 | 0.4 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 519,785 | 20.0% | 5,838 | 15.9 | 3.0 |
| BID | 283,882 | 18.1% | 3,841 | 13.0 | 2.2 |
| HPG | 178,514 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| VHM | 178,094 | 12.1% | 5,074 | 8.1 | 0.9 |
| GAS | 177,768 | 16.4% | 4,688 | 16.5 | 2.6 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 20,553 | 7.1% | 1,992 | 21.6 | 1.5 |
| IDC | 20,295 | 31.7% | 5,880 | 10.5 | 3.1 |
| SHS | 15,450 | 5.7% | 688 | 27.6 | 1.4 |
| HUT | 15,262 | 0.7% | 97 | 175.8 | 1.3 |
| THD | 13,821 | 2.5% | 395 | 91.0 | 2.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|---------|----------|------|------|
| ST8 | 2.38 | 1.4% | 144 | 67.4 | 0.9 |
| AGM | 2.36 | -163.0% | (11,336) | - | 13.1 |
| NHA | 2.32 | 4.0% | 406 | 53.7 | 2.1 |
| KSB | 2.26 | 3.6% | 1,008 | 22.4 | 1.0 |
| RDP | 2.18 | 4.1% | 444 | 12.4 | 0.8 |

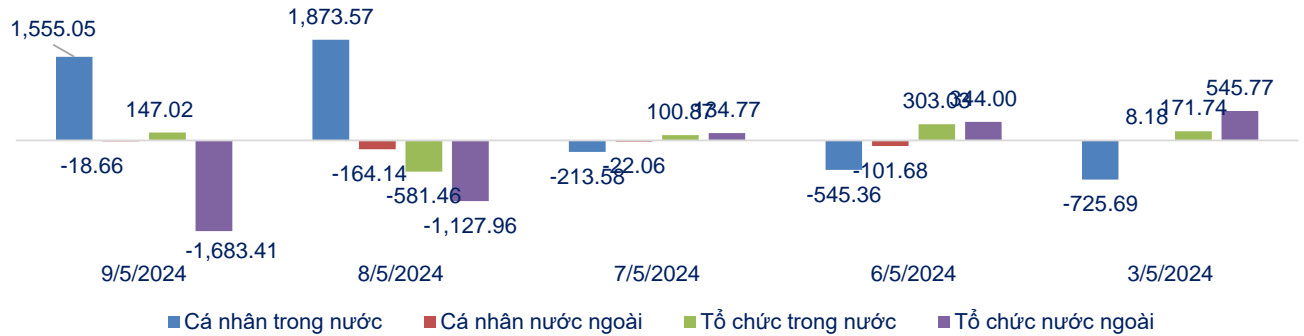
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| HMR | 3.83 | 9.2% | 1,214 | 16.5 | 1.5 |
| TKG | 2.82 | 2.9% | 294 | 20.4 | 0.6 |
| CMS | 2.64 | 0.7% | 85 | 177.3 | 1.4 |
| TA9 | 2.36 | 16.0% | 2,004 | 6.6 | 1.0 |
| CEO | 2.35 | 2.8% | 365 | 50.7 | 1.5 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|----------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 1,252.51 | 12.1% | 5,074 | 8.1 | 0.9 |
| DGC | 148.94 | 24.6% | 7,884 | 15.7 | 3.7 |
| VHC | 116.19 | 11.3% | 4,153 | 18.5 | 1.7 |
| HDB | 83.55 | 24.7% | 3,832 | 6.3 | 1.4 |
| VCI | 57.51 | 8.2% | 1,411 | 34.4 | 2.6 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|------|-------|------|-----|
| MWG | -322.73 | 4.4% | 717 | 82.4 | 3.3 |
| HPG | -132.30 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| SGT | -105.72 | 2.2% | 288 | 43.2 | 0.9 |
| HVN | -54.57 | 0.0% | (642) | - | - |
| KDH | -43.69 | 3.9% | 731 | 49.3 | 1.8 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| NVL | 4.59 | 1.4% | 315 | 43.1 | 0.6 |
| SSI | 2.66 | 11.1% | 1,703 | 20.9 | 2.2 |
| VJC | 2.40 | 4.9% | 1,404 | 83.6 | 4.0 |
| GMD | 1.81 | 26.2% | 8,468 | 10.0 | 2.5 |
| FUEVFNVD | 1.53 | N/A | N/A | N/A | N/A |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIX | -7.58 | 12.8% | 1,670 | 10.5 | 1.3 |
| BCG | -7.32 | 0.5% | 142 | 60.4 | 0.3 |
| MBB | -4.50 | 21.5% | 3,866 | 5.8 | 1.2 |
| HPG | -4.38 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| VCG | -2.30 | 8.1% | 1,543 | 14.8 | 1.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|------|-------|------|-----|
| MWG | 212.56 | 4.4% | 717 | 82.4 | 3.3 |
| SGT | 105.72 | 2.2% | 288 | 43.2 | 0.9 |
| HPG | 45.41 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| KBC | 28.70 | 4.9% | 1,274 | 23.6 | 1.1 |
| KDH | 25.68 | 3.9% | 731 | 49.3 | 1.8 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HVN | -160.70 | 0.0% | (642) | - | - |
| EIB | -49.46 | 9.0% | 1,147 | 15.7 | 1.4 |
| MSN | -30.05 | 0.8% | 215 | 336.1 | 2.3 |
| VCB | -27.06 | 20.0% | 5,838 | 15.9 | 3.0 |
| MBB | -21.92 | 21.5% | 3,866 | 5.8 | 1.2 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HVN | 215.68 | 0.0% | (642) | - | - |
| MWG | 110.93 | 4.4% | 717 | 82.4 | 3.3 |
| HPG | 91.27 | 9.2% | 1,601 | 19.2 | 1.7 |
| PVT | 44.10 | 11.5% | 2,863 | 9.8 | 1.1 |
| TCH | 33.18 | 7.0% | 1,252 | 14.7 | 1.0 |

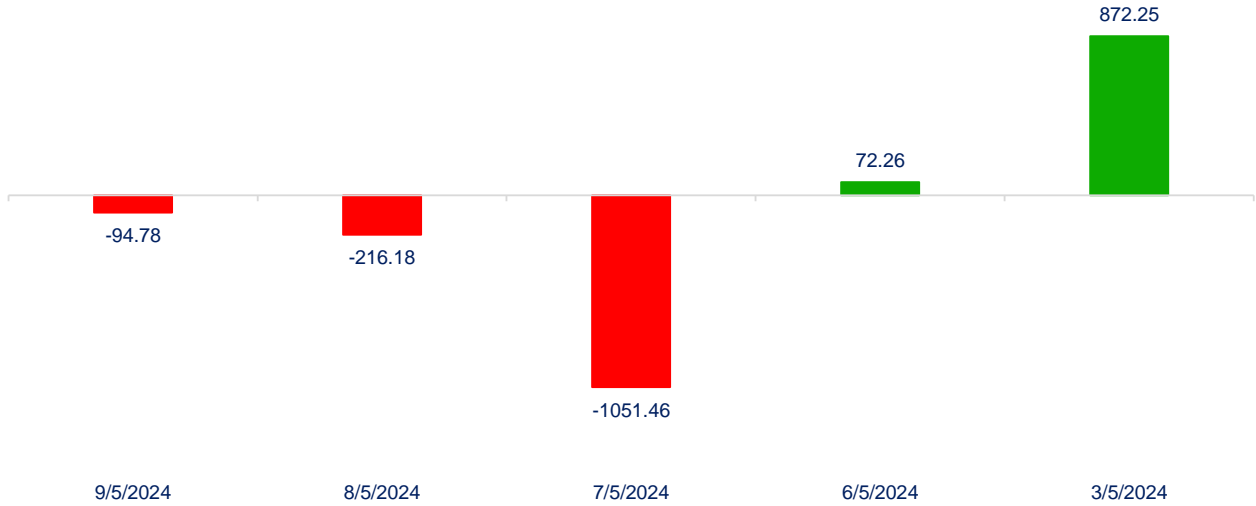
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| VHM | -1,251.09 | 12.1% | 5,074 | 8.1 | 0.9 |
| DGC | -137.13 | 24.6% | 7,884 | 15.7 | 3.7 |
| VHC | -99.91 | 11.3% | 4,153 | 18.5 | 1.7 |
| TCB | -67.81 | 15.2% | 5,606 | 8.6 | 1.2 |
| HDB | -63.19 | 24.7% | 3,832 | 6.3 | 1.4 |

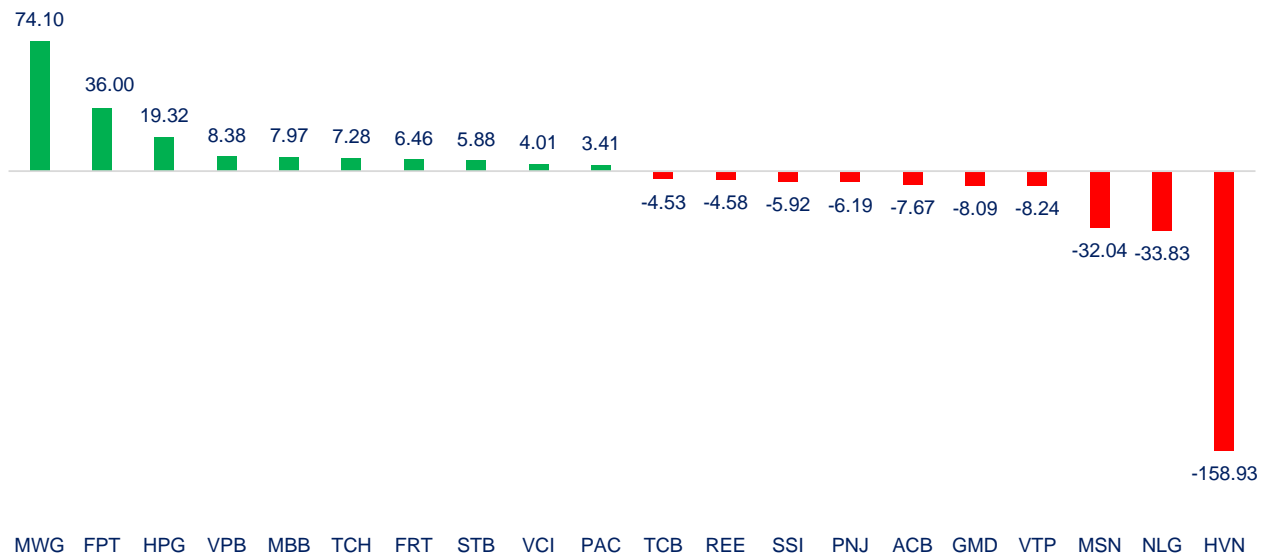


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn